



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Thương mại - Dịch vụ Bến Thành

Ngày 30/09/2025	38,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	4.8%	7.9%

DT thuần Q3/25
63.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.90 4.8%
YoY: ▲ 3.10 5.1%

LN thuần Q3/25
19.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.40 7.7%
YoY: ▲ 3.80 24.8%

LN sau thuế Q3/25
15.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.90 6.4%
YoY: ▲ 3.10 25.9%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
30.1%
YoY: +/- ▲ 0.6%

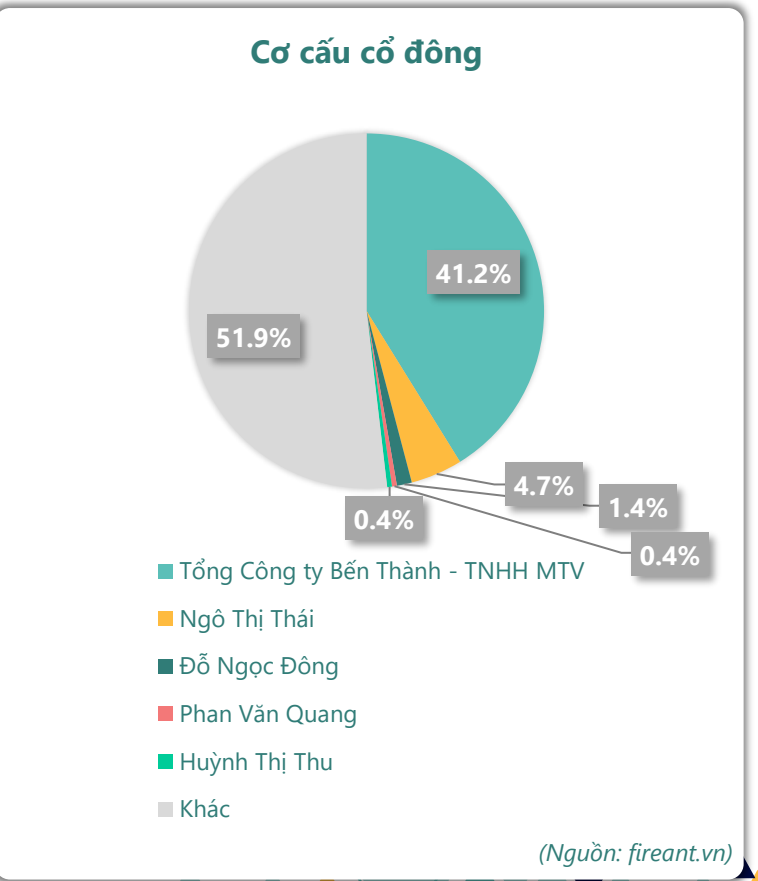
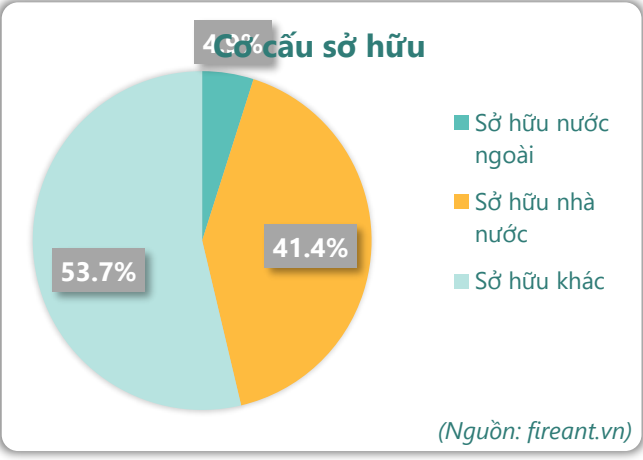
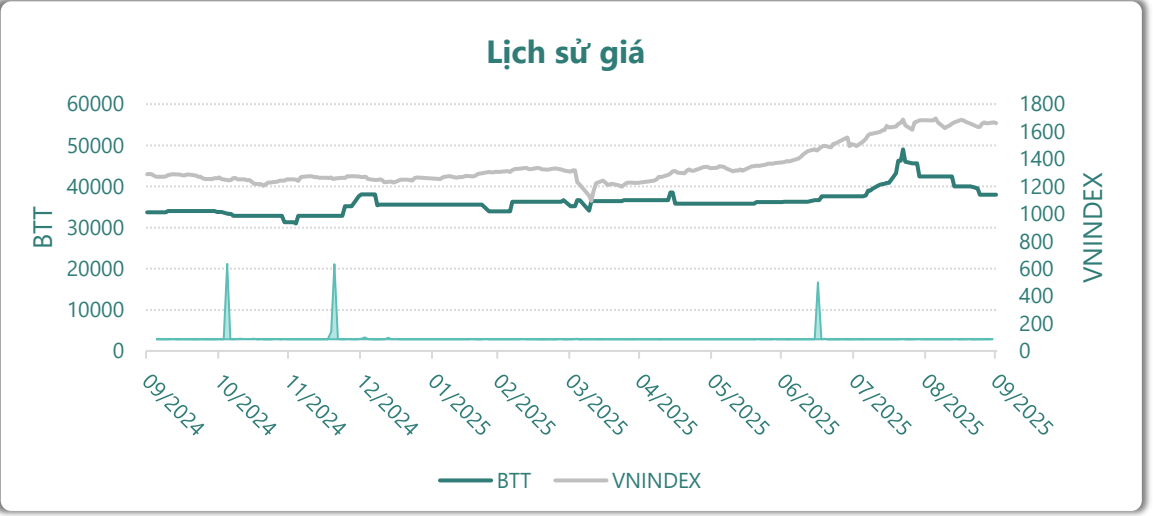
ROE (TTM) Q3/25
14.0%
YoY: +/- ▲ 1.7%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	30,988 - 49,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	513
Số lượng CPLH (CP)	13,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	185
Sở hữu nước ngoài	4.9%
Beta	0.14
EPS	4,014
P/E	9.5

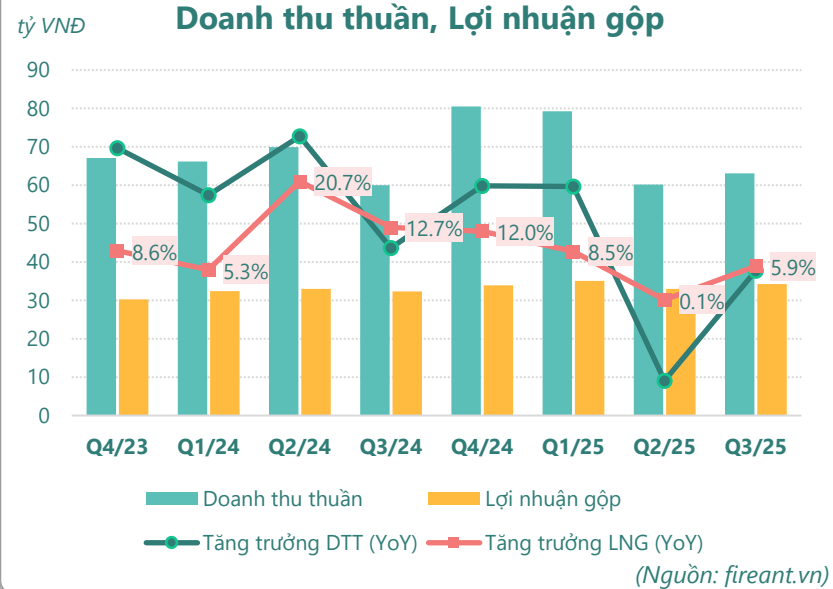
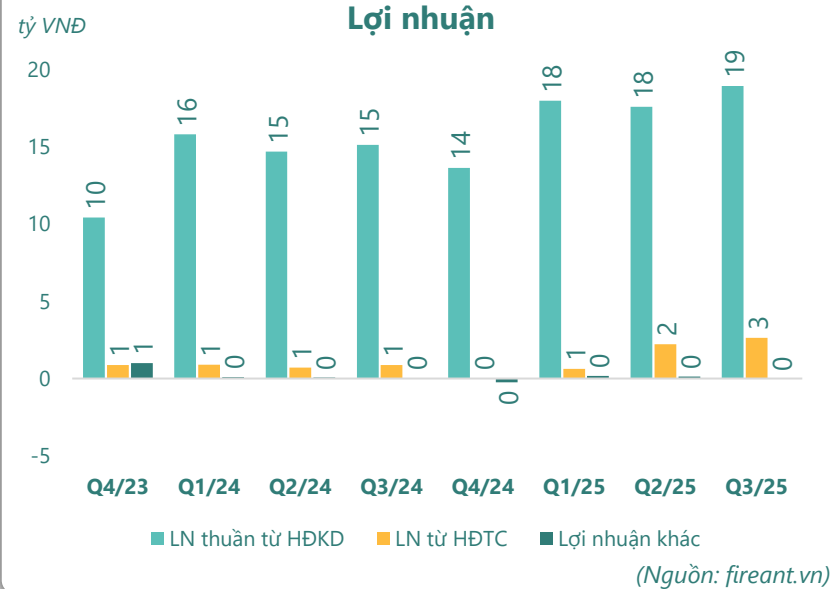
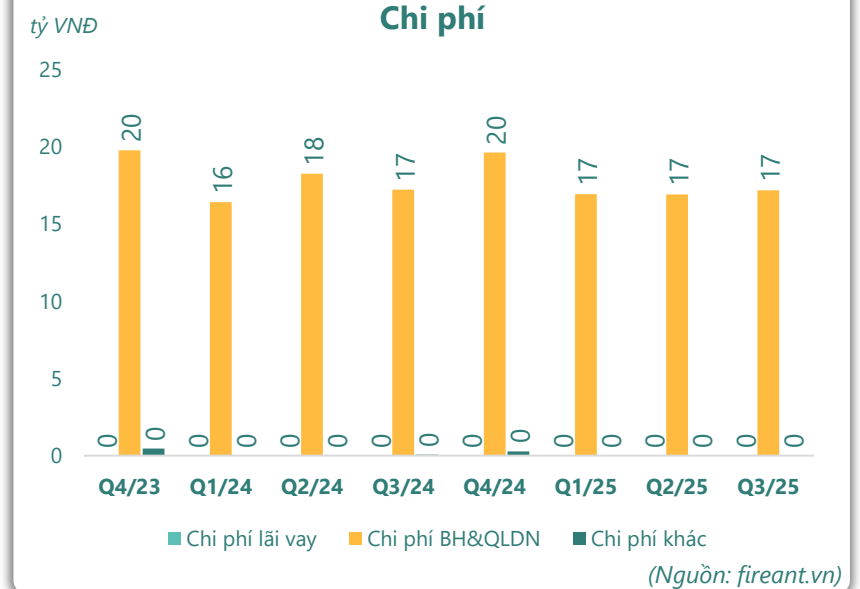
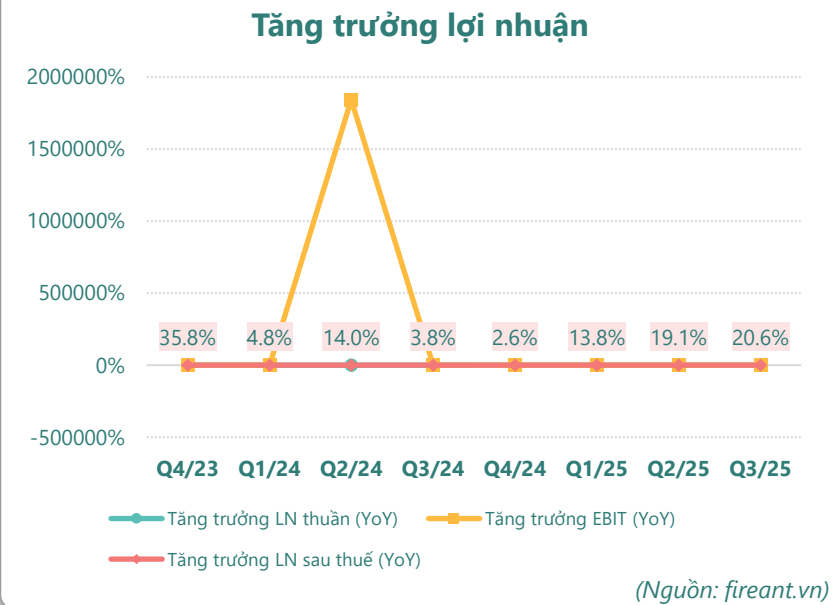
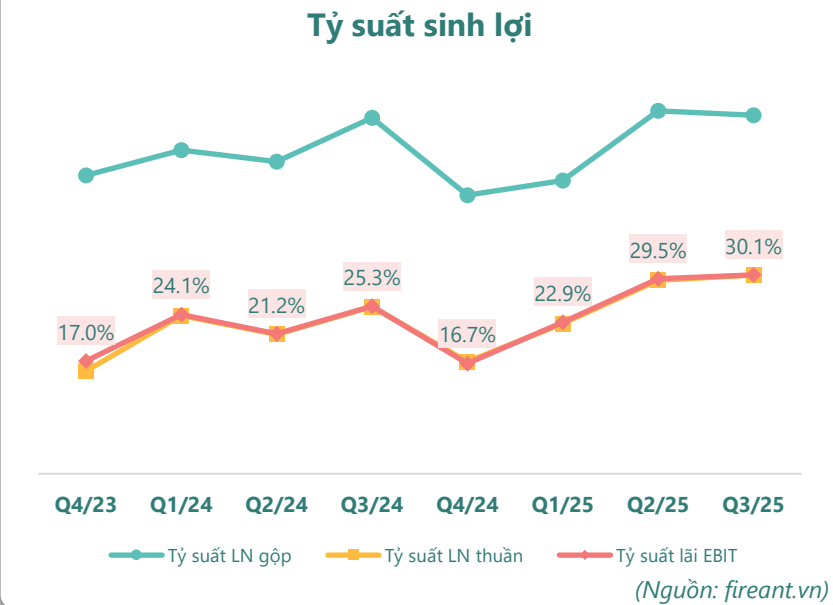
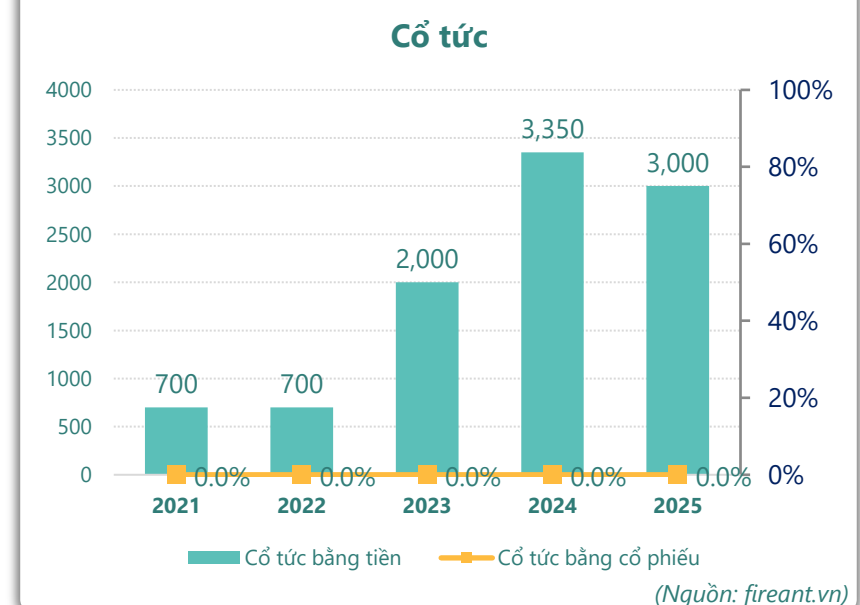
DT thuần 9T 2025
202
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.00 3.3%

LN thuần 9T 2025
54.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 8.90 19.4%

LN sau thuế 9T 2025
43.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 7.30 19.9%



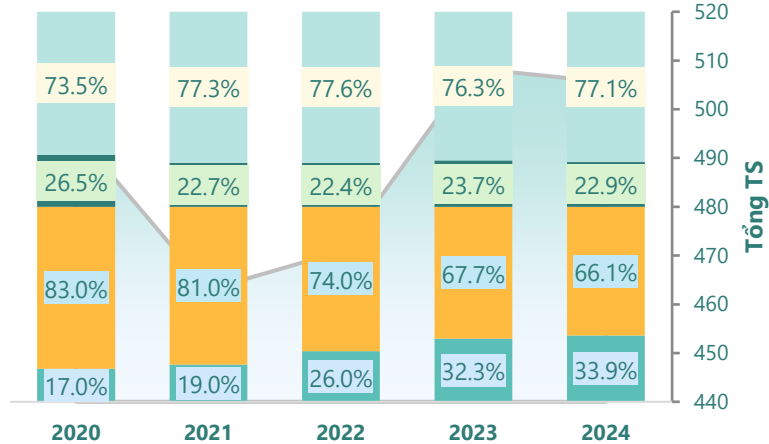
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

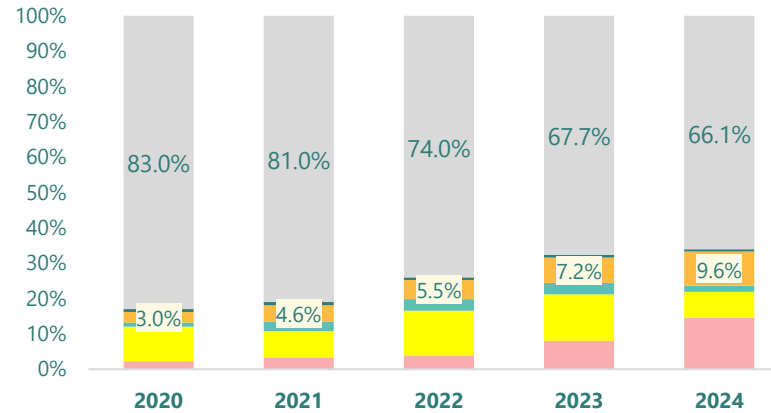
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

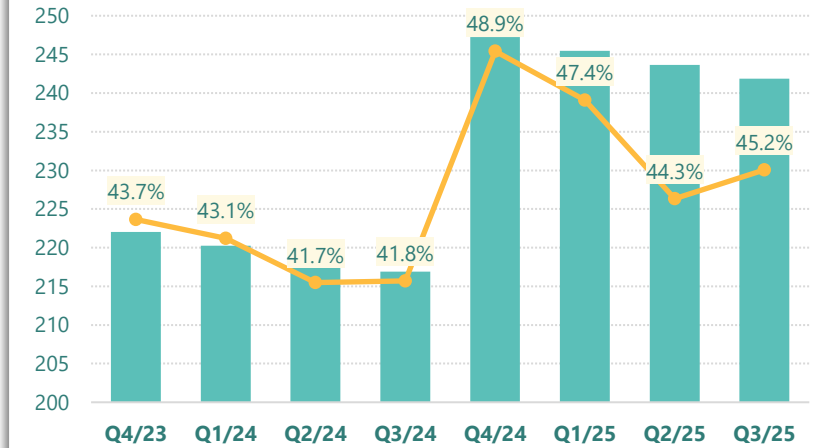


■ Tiền và Đ.Tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn ■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

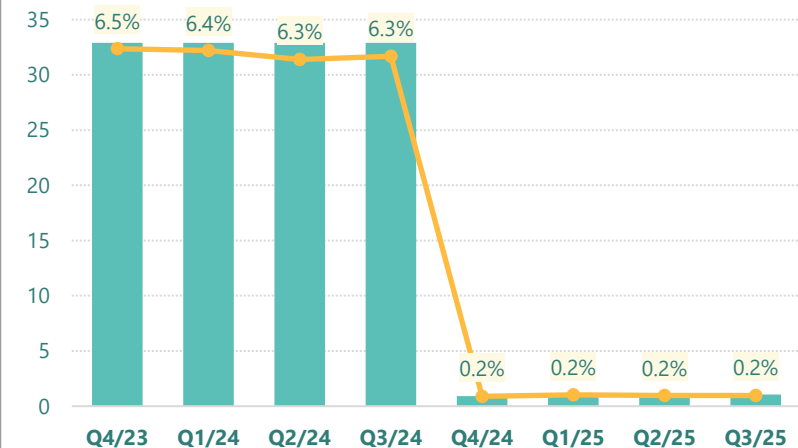


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

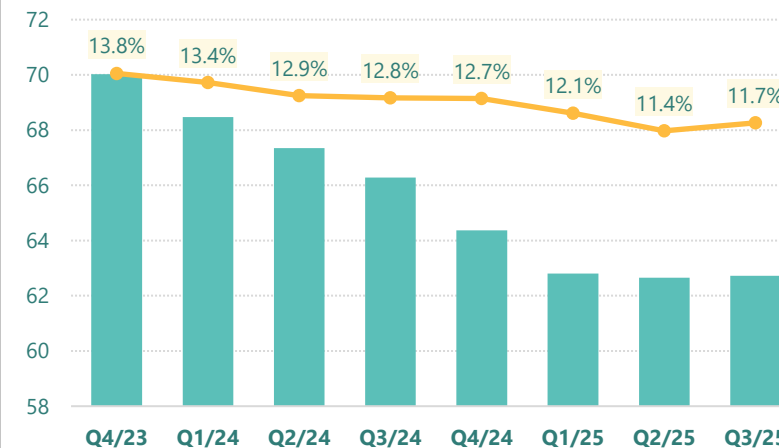


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

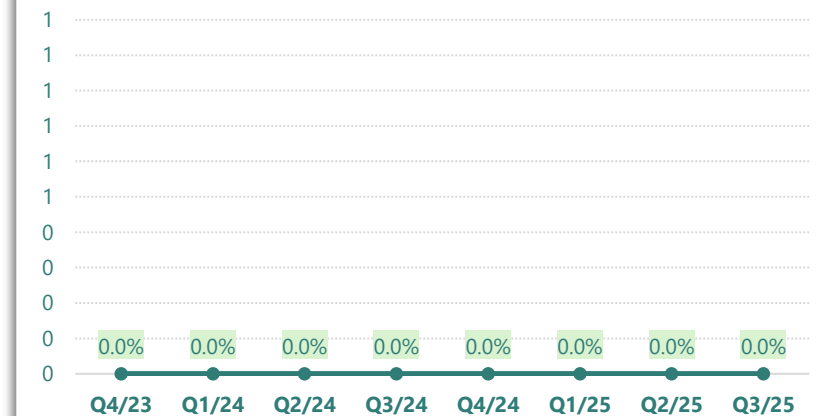


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

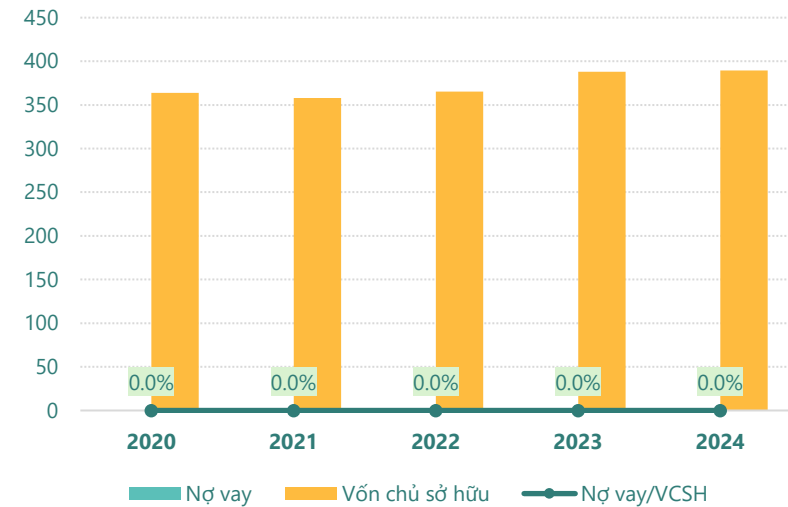
— Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

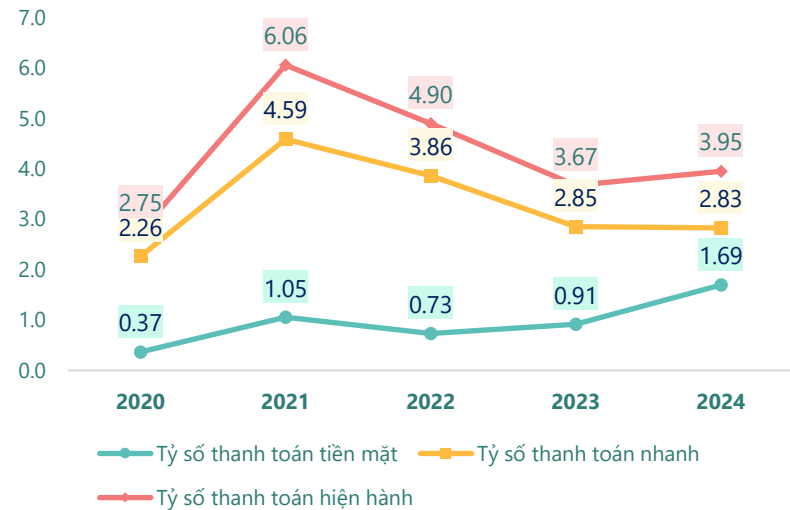
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



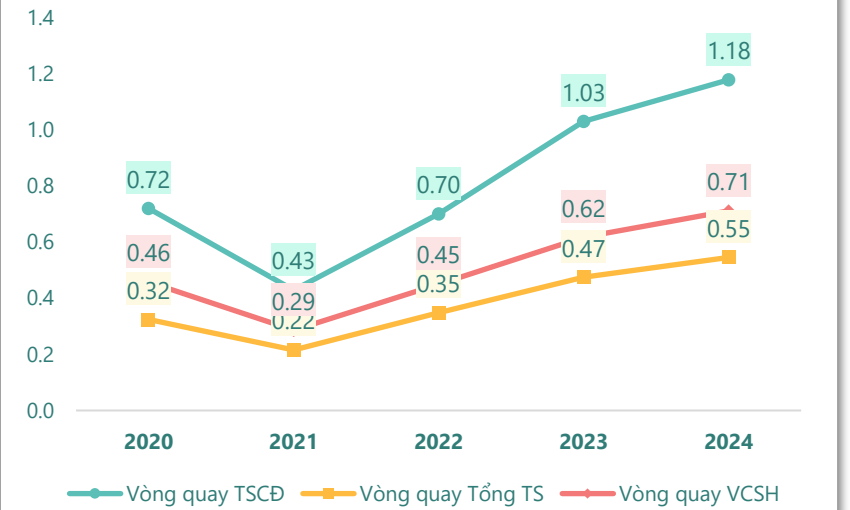
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



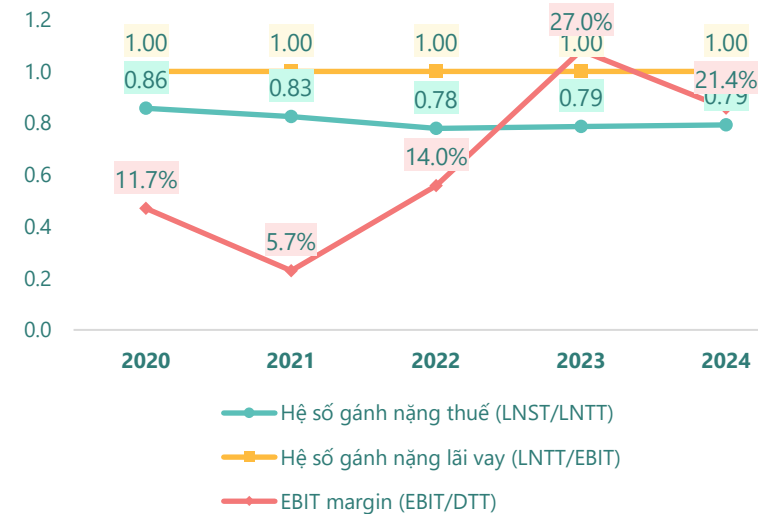
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



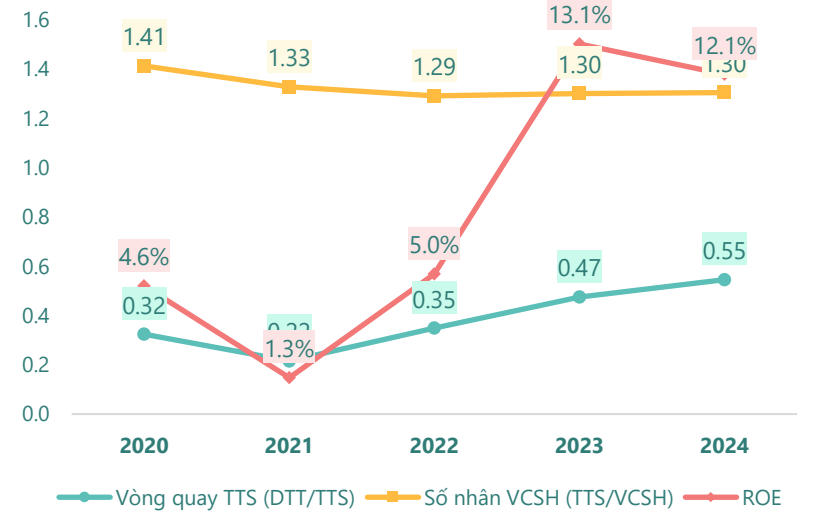
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



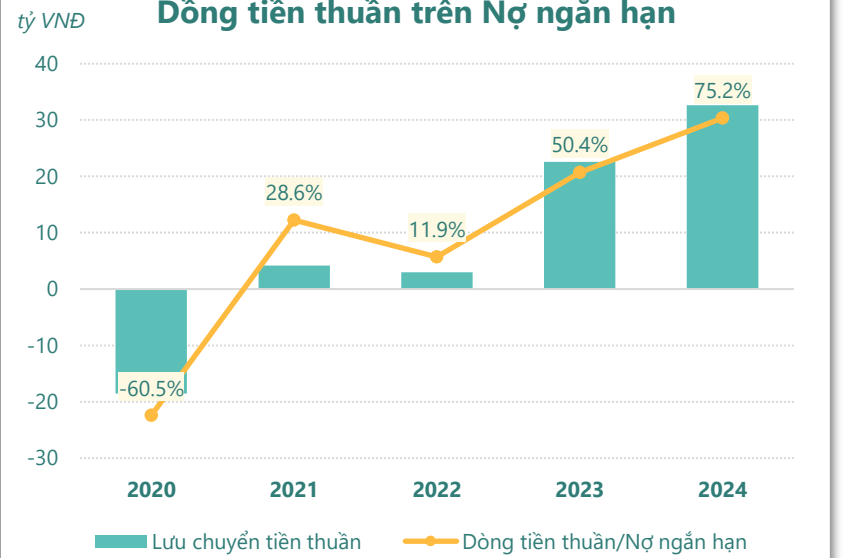
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)



KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	63.1	60.0	5.1%	202	196	3.3%
Giá vốn hàng bán	28.9	27.7	4.2%	100	98.4	1.8%
Lợi nhuận gộp	34.2	32.3	5.9%	102	97.7	4.8%
Doanh thu HĐTC	2.05	1.30	57.9%	5.10	3.92	30.2%
Chi phí TC	-0.59	0.42	-241%	-0.40	1.44	-127%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	-0.69	-0.77	10.2%	-2.19	-2.46	10.9%
Chi phí bán hàng	12.5	10.5	18.8%	37.9	31.5	20.3%
Chi phí QLDN	4.73	6.75	-29.9%	13.2	20.5	-35.6%
LN thuần từ HĐKD	19.0	15.2	24.8%	54.6	45.7	19.4%
Lợi nhuận khác	0.01	0.03	-73.8%	0.29	0.20	43.5%
LN trước thuế	19.0	15.2	24.8%	54.9	45.9	19.5%
Lợi nhuận sau thuế	15.1	12.0	25.9%	43.8	36.5	19.9%
LNST của CĐ cty mẹ	15.1	12.0	25.9%	43.7	36.5	19.9%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	14.2	19.7	2.86	20.0	35.6	28.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	9.65	6.73	-6.43	-19.4	-42.0	19.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-26.9	-18.2	-0.01	0	-30.7
Tiền đầu kỳ	72.0	95.9	95.3	73.5	74.1	67.7
Lưu chuyển tiền thuần	23.8	-0.52	-21.8	0.55	-6.42	16.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	95.9	95.3	73.5	74.1	67.7	84.2

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	535	506	5.8%
Tài sản ngắn hạn	209	172	21.7%
Tiền và tương đương tiền	84.2	73.5	14.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	85.4	37.1	130%
Phải thu ngắn hạn	9.33	8.87	5.2%
Hàng tồn kho	26.7	48.8	-45.3%
Tài sản ngắn hạn khác	3.32	3.28	1.3%
Tài sản dài hạn	326	334	-2.4%
Phải thu dài hạn	0.12	0.12	0.0%
Tài sản cố định	242	247	-2.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.05	0.90	16.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	62.7	64.3	-2.4%
Tài sản dài hạn khác	20.3	21.5	-5.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	142	116	22.4%
Nợ ngắn hạn	70.4	43.4	62.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	22.7	17.7	28.4%
Nợ dài hạn	71.5	72.6	-1.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	393	390	0.9%
Vốn chủ sở hữu	393	390	0.9%
Vốn điều lệ	135	135	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

